

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: **40**/Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 so với quý 4 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng **01** năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**
 Mã cổ phiếu: **QNW**
 Địa chỉ: **17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi**
 Mã số thuế: **4300326264**
 Người đại diện: **ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỖ** Chức vụ: **Giám Đốc**

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 so với quý 4 năm 2022 cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24.261.013.273	18.109.526.450	6.151.486.823		24.774.251.119	18.690.400.525	6.083.850.594	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24.261.013.273	18.109.526.450	6.151.486.823	34,0%	24.774.251.119	18.690.400.525	6.083.850.594	32,6%
<i>(10=01- 02)</i>									
4. Giá vốn hàng bán	11	18.797.325.787	17.830.742.576	966.583.211	5,4%	18.916.037.808	18.538.176.634	377.861.174	2,0%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20	5.463.687.486	278.783.874	5.184.903.612		5.858.213.311	152.223.891	5.705.989.420	
<i>(20=10-11)</i>									
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	804.558.895	902.156.494	(97.597.599)	-10,8%	942.288.242	995.472.715	(53.184.473)	-5,3%
7. Chi phí tài chính	22	(49.771.887)	406.416.963	(456.188.850)	-112,2%	134.343.997	166.196.113	(31.852.116)	-19,2%



- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	134,343,997		134,343,997		134,343,997	166,196,113	(31,852,116)	
8. Chi phí bán hàng	25	1,357,616,880	1,569,927,182	(212,310,302)	-13.5%	1,357,616,880	1,569,927,182	(212,310,302)	-13.5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3,055,518,311	3,351,941,326	(296,423,015)	-8.8%	3,381,886,300	3,526,982,464	(145,096,164)	-4.1%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1,904,883,077	(4,147,345,103)	6,052,228,180	145.9%	1,926,654,376	(4,115,409,153)	6,042,063,529	146.8%
<i>(30=20+(21-22)-(25+26)</i>									
11. Thu nhập khác	31		1,263,509				1,263,509		
12. Chi phí khác	32	59,577,946	184,081,284	(124,503,338)	-67.6%	60,228,238	184,262,742	(124,034,504)	-67.3%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(59,577,946)	(182,817,775)	123,239,829		(60,228,238)	(182,999,233)	122,770,995	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1,845,305,131	(4,330,162,878)	6,175,468,009	142.6%	1,866,426,138	(4,298,408,386)	6,164,834,524	143.4%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	458,616,225	(754,639,444)	1,213,255,669		485,686,351	(736,215,013)	1,221,901,364	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,386,688,906	(3,575,523,434)	4,962,212,340	138.8%	1,380,739,787	(3,562,193,373)	4,942,933,160	138.8%
<i>(60=50-51-52)</i>									
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						1,380,739,787	(3,591,672,461)	4,972,412,248	138.4%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát							29,479,088		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						69.04	179.58		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 tăng cao 138,8% so với quý 4 năm 2022 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng cao 34% cụ thể giá nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023, trong khi giá vốn hàng bán cũng tăng không đáng kể ,

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 10,8% và chi phí tài chính giảm mạnh 112,2%.

+ Chi phí bán hàng giảm 13,5% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm 8,8%

Từ các chỉ tiêu đã được phân tích sơ bộ nêu trên , nhất là Doanh thu tiền nước thay đổi tăng cao do được UBND Tỉnh điều chỉnh tăng giá nước từ tháng 9/2023 , trong khi các chỉ tiêu khác thay đổi không đáng kể, dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 tăng 138,8% so với quý 4 năm 2022.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 tăng 126% so với quý 4 năm 2022 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng 36,8% và giá vốn hàng bán giảm 9,2%, cụ thể là giá nước sạch tăng từ tháng 9/2023

+ Chi phí bán hàng giảm 2,0% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao 12,9%

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 5,3% và chi phí tài chính giảm 19,2%

Từ các chỉ tiêu nêu trên nhất là Doanh thu tiền nước tăng cao ,trong khi các chỉ tiêu khác thay đổi không đáng kể, dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2023 tăng 126% so với quý 4 năm 2022.

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.Kế toán, P.HC

